

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM - PT
Ngày 04 - 5 - 2020
V/v “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Ngô Đê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:** ông Mai Tư, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLPT - KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM - ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2020/QĐ - PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, khu đô thị mới Mỹ Đình I, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Người đại diện cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Ông Ngô Văn T, sinh năm 1975, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh số 1 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Trà Vinh làm đại diện theo quyết định ủy quyền số 1444/QĐ-HĐTV-PC ngày 30/8/2017. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Huệ Q (C), sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hồ Bình H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số X, đường C, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Bình H là bà Trần Huệ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2012 (vắng mặt)

- 2/ Ông Trần P, sinh năm 1943;
- 3/ Bà , sinh năm 1947;
- 4/ Bà Trần Huệ Ph, sinh năm 1972; (vắng mặt)
- 5/ Bà Trần Huệ C, sinh năm 1976;
- 6/ Bà Trần Huệ T, sinh năm 1979; (vắng mặt)
- 7/ Trần Hón Q, sinh năm 1983;
- 8/ Trần Hón H, sinh năm 1980 (vắng mặt)
- 9/ Trần Minh H1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần P, bà Chung Thị H, bà Trần Huệ C, ông Trần Hón Q, bà Trần Minh H là bà Trần Huệ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2019. (vắng mặt)

- 10/ Bà Lê Thị G, sinh năm 1937;
- 11/ Bà Trâm Thị B, sinh năm 1965;
- 12/ Ông Trâm Vĩnh H2, sinh năm 1974;
- 13/ Ông Trâm Vĩnh T1, sinh năm 1995;
- 14/ Bà Trâm Thị C1, sinh năm 1975;
- 15/ Bà Tô Thị Kim T2, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- 16/ Ông Trâm Tuấn K, sinh năm 1970;
- 17/ Ông Trâm Vĩnh A, sinh năm 1976;
- 18/ Bà Tăng Thị D, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị G, bà Trâm Thị B, ông Trâm Tuấn K, ông Trâm Vĩnh H2, ông Trâm Vĩnh T1, bà Trâm Thị C1, ông Trâm Vĩnh A: Bà Tăng Thị D, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2015 (vắng mặt)

- 19/ Ông Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1970 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- 20/ Bà Lê Thị Hồng X, sinh năm 1979 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh

21/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1962; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

22/ Ông Lê Phước Th, sinh năm 1982; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

23/ Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

24/ Ông Trần Văn U, sinh năm 1982; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

25/ Bà Huỳnh Bé S; sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

26/ Anh Trần Văn N, sinh năm 1993; (vắng mặt)

27/ Chị Trần Thị Cẩm G, sinh năm 2000; (vắng mặt)

28/ Bà Thạch L, sinh năm 1970; (có mặt)

29/ Ông Huỳnh Vũ P2, sinh năm 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

30/ Bà Lê Thị Thảo Y, sinh năm 1979 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mắt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện H, tỉnh Trà Vinh;

31/ Ông Lê Văn H3, sinh năm 1968 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;

Tạm trú: Ấp Ô, xã H, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là nguyên đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2012, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2018 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày và có yêu cầu như sau: Vào ngày 08/6/2010, Ngân hàng có cho bà Trần Huệ Q vay tại các hợp đồng như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số 207/HĐTD ngày 08/6/2010, ngày trả 08/6/2011 số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất vay 14,5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo khoản vay, bà Q có thể chấp tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 207/BĐTV

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số X378097 cấp ngày 29/5/2003 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp diện tích 40.934m², thửa 126, tờ bản đồ số 12 do Trần Huệ Q đứng tên hộ, đất tọa lạc tại Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Phạm Vi số tiền vay bảo đảm là 305.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 207A/BĐTV

Giấy CNQSDĐ số AP277431 cấp ngày 03/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Trần Huệ Q đứng tên cá nhân, diện tích 40.837m², thửa 462, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp C (nay là ấp T), xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Phạm vi số tiền được bảo đảm là 305.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số 207B/BĐTV

Giấy CNQSDĐ số H822536 cấp ngày 16/5/1996; giấy CNQSDĐ số H822537 cấp ngày 16/5/1996 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp diện tích 2.130m² do ông Nguyễn Văn H3, Lê Thị Thảo Y đứng tên. Phạm vi số tiền vay bảo đảm là 130.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng 207/HĐTD ngày 08/6/2010 và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hợp đồng tín dụng số 207B/BĐTV, ngày 08/6/2010 và Ngân hàng không yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 560.000.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp số 207C/BĐTV, ngày 08/6/2010

Ngân hàng yêu cầu cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng 207/BĐTV, số tiền vốn là 305.000.000 đồng, tính đến nay lãi là 608.521.597 Ngân hàng yêu cầu bà Q, ông H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh khi thi hành án xong.

Nếu bà Q, ông H không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi QSDĐ diện tích 40.934m² tại thửa 126, tờ bản đồ số 12 tọa lạc ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Huệ Q đứng tên hộ.

- Đối với Hợp đồng số 207A/BĐTV số tiền 305.000.000 đồng, tính đến nay tiền lãi là 608.521.597 đồng, Ngân hàng yêu cầu bà Q, ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền trên chp Ngân hàng và lãi phát sinh khi thi hành án xong.

Nếu bà Q, ông H không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi QSDĐ diện tích 40.837m² tại thửa 462, tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp C (nay là ấp T), xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Huệ Q đứng tên.

Bị đơn bà Trần Huệ Q trình bày: Bà thừa nhận có ký vay và thế chấp tài sản như đại diện phía nguyên đơn trình bày và bà chỉ chấp nhận trả hai khoản nợ vốn là 610.000.000 đồng và chấp nhận xử lý tài sản thế chấp phần diện tích 40.837m², thửa 462, tờ bản đồ số 10 tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Không chấp nhận phát mãi thửa 126 vì đất cấp cho hộ không phải cho cá nhân bà Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Vũ P trình bày: Vào năm 1997, ông có chuyển nhượng của ông Trần Văn L diện tích 20.000m², do ông L là anh ruột của vợ ông nên hai bên chỉ làm giấy tay. Năm 2009, ông L bán cho bà Y 12.000m² trong tổng diện tích 40.934m², thửa 126, tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, cho bà Y và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y, bà Y không sang tên cho ông mà sang tên cho bà Trần Huệ Q,

do ông L không biết chữ nên ký vào hồ sơ chuyển nhượng từ ông L sang cho bà Q hết diện tích 40.934m², thửa 126, trong đó có 20.000m² của ông mua của ông L. Sau đó bà Q thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên vay vốn tại Ngân hàng.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết được cấp giấy chứng nhận 20.000m², trong 40.934m², tại thửa 126 tọa lạc ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L vắng mặt nhưng có lời khởi khai ngày 03/8/2017, ông Trần Văn L trình bày: Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 126, diện tích 40.934m² tại ấp V, xã L và bán cho ông Huỳnh Vũ P, bà Thạch Lan 20.000m², bán cho ông Lê Phước Th khoảng 07 công, phần diện tích còn lại bán hết cho bà Đặng Thị Y, ông không có bán đất cho ông Trần Văn U.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Ph và Lưu Thị Hồng X vắng mặt nhưng có lời khai ngày 03/8/2017 anh Huỳnh Thanh Ph và chị Lưu Thị Hồng X trình bày: Phần đất có diện tích 40.837m², thửa 462, tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại ấp C (nay là ấp T), xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh là thuê của bà Trần Huệ Q thời hạn 03 năm từ năm 2015 đến 2018. Hai bên có thỏa thuận, nếu bà Q lấy đất lại trước thời hạn thì phải bồi hoàn giá trị tài sản trên đất, còn khi hết hợp đồng thì anh chị tự tháo dỡ giao đất không yêu cầu bà Q bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước Th vắng mặt nhưng có bản lời khai ngày 24/11/2016 ông Lê Phước Th trình bày: năm 2001, ông Trần Văn L chuyển nhượng cho ông diện tích 8.262,7m², trong diện tích 40.934m², thửa 126 tại Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Nay, bà Q vay Ngân hàng và thế chấp diện tích 40.934m², trong đó có phần đất ông L bán cho gia đình ông, đã xây nhà, làm ao nuôi tôm nhiều năm nay, Ngân hàng yêu cầu lấy đất để bán là không thể được, ông không đồng ý, Ngân hàng cho vay mà không kiểm tra, thẩm định thì Ngân hàng phải chịu hậu quả là không còn tài sản thế chấp hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn U vắng mặt nhưng có bản tự khai ngày 24/11/2016 ông Trần Văn U trình bày: Nguồn gốc diện tích 40.934m², thửa 126 là của cha ông khai phá, sau đó bán lại cho anh ông là Trần Văn L cánh nay khoảng 20 năm. Khoảng năm 1999 - 2000, ông L bán lại cho ông khoảng 04 công, giá 5.000.000 đồng, chỉ làm giấy tay, không có làm hợp đồng. Nay, bà Q vay Ngân hàng và thế chấp phần đất thửa 126, trong đó có phần đất ông mua, nên ông không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần P trình bày: ông Trần P không đồng ý việc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh T phát mãi toàn bộ phần đất thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m² tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, vì bà Q chỉ có một phần tài sản trong hộ đối với diện tích nêu trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM - ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã xử:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh T.

Buộc Bà Trần Huệ Q, ông Hồ Bình H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh T số tiền là 1.827.043.194 đồng trong đó vốn gốc 610.000.000 đồng lãi 1.217.043.194 đồng.

Nếu bà Trần Huệ Q, ông Hồ Bình H không thanh toán xong khoản nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi phần đất có diện tích 40.837m², số thửa 462, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp C (nay là ấp T), xã L, huyện D tỉnh Trà Vinh do bà Trần Huệ Q đứng tên tại giấy số AP 277431, được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/11/2009.

Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh T đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ 12 diện tích 40.934m², do bà Trần Huệ Q đại diện đứng tên hộ, giấy số X 378097, được chỉnh trang từ ngày 30/11/2009, đất tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh T đối với hợp đồng tín dụng số 207/HĐTD đối với khoản vay 130.000.000 đồng và khoản vay 560.000.000 đồng và hai hợp đồng thế chấp số 207B/BDTV; 207C/BDTV ngày 08/10/2010. Và Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Ghi.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Vũ P ngày 15/8/2017 và ông Trần P ngày 18/10/2019 do không được Tòa án chấp nhận giải quyết trong vụ án này, nên các đương sự có quyền khởi kiện lại về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở vụ án khác, nếu còn thời hiệu.

Vợ chồng ông Huỳnh Vũ P và ông Trần P có quyền khởi kiện lại vụ án khác nếu còn thời hiệu.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn nghi trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh T Việt số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 34.712.000 đồng theo biên lai thu tiền số No 0006780 ngày 28 tháng 6 năm 2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Buộc bà Trần Huệ Q, Hồ Bình H phải chịu 66.811.295 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị G, Trần Tuấn K, Trầm Vĩnh H, Trầm Vĩnh A, Trầm Thị C, Trầm Vĩnh T, Trầm Thị B, Tăng Thị D số tiền 200.000 đồng, biên lai số 0010323 ngày 09/3/2015 của Chi cục thi hành án huyện

Tiêu cần; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Vũ P số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0011576 ngày 16/8/2017 của chi cục thi hành án huyện T.

Chi phí Thẩm định, định giá: 8.957.559 đồng.

Buộc bà Trần Huệ Q và ông Hồ Bình H phải nộp 6.997.559 đồng, số tiền thu được từ bà Trần Huệ Q và ông Hồ Bình H sẽ được hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh T.

Buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – Chi nhánh T phải chịu 1.960.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận toàn bộ nội dung hợp đồng thế chấp số 207/BĐTV ngày 08/6/2010 và Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m², đất tọa lạc tại xã Long Vĩnh, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Vũ P và bà Thạch L thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm và không có ý kiến bổ sung.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng, trong đó đại diện cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ông Huỳnh Vũ P và bà Thạch Lan thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định pháp luật, còn lại bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Việc yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ khi cho vay và để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng không xác minh làm rõ hộ bà Q tại thời điểm cho vay hộ bà Q gồm những ai, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m², tọa lạc tại xã Long Vĩnh, huyện D, tỉnh Trà Vinh được cấp chính trang tư cho hộ bà Trần Huệ Q ngày 29/11/2009 mà chỉ cho bà Q, anh Huy ký vào hợp đồng thế chấp thửa đất trên, trong khi còn nhiều thành viên khác trong hộ bà Q, nhưng không có ký tên vào hợp đồng thế chấp và thửa đất nêu trên hiện nay ai quản lý sử dụng thửa đất, trong khi trên đất còn có nhiều người khác đang sử dụng đất, xây dựng nhà cửa, khoan giếng nước..., do đó việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xử lý thửa đất trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ bà Trần Huệ Q và những người đang quản lý sử dụng thửa đất trên. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm thu tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 300.000 đồng là thiếu sót và chưa phù hợp với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Q và những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bà Q và những người tham gia tố tụng. Việc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Q tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2012. Vì vậy vụ án này không thuộc trường hợp điều chỉnh của Nghị quyết 42/2017/QH14, ngày 21/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân tối cao.

[2] Xét đơn kháng cáo của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam còn trong hạn pháp luật quy định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu công nhận toàn bộ nội dung hợp đồng thế chấp số 207/BĐTV ngày 08/6/2010 và Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m², đất tọa lạc tại Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m², tọa lạc tại xã l, huyện D, tỉnh Trà Vinh được chỉnh trang tư cấp cho hộ bà Trần Huệ Quân ngày 30/11/2009, nhưng khi ký hợp đồng thế chấp số 207/BĐTV ngày 10/6/2010 đối với thửa đất trên để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 207/HĐTD ngày 08/6/2010 phạm vi số tiền vay được bảo đảm là 305.000.000 đồng thì phía Ngân hàng không xác minh để xác định hộ bà Q tại thời điểm cho vay hộ bà Q gồm những ai? Thửa đất nêu trên tại thời điểm thế chấp ai đang quản lý sử dụng, có tài sản trên đất hay không?. Do đó, khi ký hợp đồng thế chấp chỉ có bà Trần Huệ Q và ông Hồ Bình H ký thế chấp trong khi tại thời điểm năm 2000 hộ bà Q có 8 thành viên trong hộ được thể hiện tại bút lục 641 và 645 trong hồ sơ vụ án, việc hộ có 8 thành viên nhưng chỉ có bà Q và ông H ký vào hợp đồng thế chấp là không đảm bảo quyền và lợi ích cho các thành viên trong hộ bà Q. Mặc khác, trên thửa 126 hiện có nhiều hộ đang sử dụng phần đất này, cụ thể là ông Huỳnh Vũ P, ông Trần Văn U, ông Lê Phước T đã chuyển nhượng từ ông Trần Văn L trước khi Ngân hàng cho vay và ký hợp đồng thế chấp cho khoản vay nêu trên, họ đã cất nhà kiên cố, đào ao nuôi tôm, nhưng khi thế chấp, phía Ngân hàng không xem xét

thẩm định thực tế nên việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi thửa đất nêu trên là không đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Do đó, việc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 207/BĐTV ngày 08/6/2010 là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về việc phát mãi thửa đất số 126, tờ bản đồ số 12, diện tích 40.934m², tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh được chính trang tư cấp cho hộ bà Trần Huệ Q ngày 30/11/2009 để thu hồi nợ vay là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm thu tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 300.000 đồng là thiếu sót và chưa phù hợp với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tạm ứng án phí kinh doanh thương mại là 2.000.000 đồng. Việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự và cấp phúc thẩm khắc phục được nên đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM - ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh T đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ 12 diện tích 40.934m², do bà Trần Huệ Q đại diện hộ đứng tên, giấy số X 378097, được chính trang tư ngày 30/11/2009, đất tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006526 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh, do số tiền tạm ứng án phí còn thiếu nên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam phải nộp 1.700.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành